



1110-3 Series

Series Bánh xe Medi

美美輪系列

- Series 1110-3 Bánh xe Medi tiết kiệm chi phí với độ cứng tốt và độ bền cao. Có nhiều loại tấm lắp tùy chọn, biến hóa linh hoạt, có thể đáp ứng nhu cầu tiết kiệm chi phí của khách hàng. Bánh xe có khóa đôi thuận tiện hơn khi sử dụng. Bề mặt bánh xe được làm bằng chất liệu TPR, chống ồn, chống mài mòn và bảo vệ sàn nhà. Phù hợp cho nhiều ngành nghề như thẩm mỹ viện, y tế, nội thất và kho hàng.
- 1110-3美美輪系列，經濟實惠，具有良好的強度和耐用性能。提供多種安裝底板，變換靈活，能滿足客戶高性價比需求。腳輪雙煞制動，使用更便利，輪面採用TPR材質，靜音、耐磨、保護地板，適用於美容美髮、醫療、家具、置物等多種行業。

Tải trọng 載重
30kg



» Vật liệu bánh xe 輪子 選項



Bánh xe PPR
PPR輪

» Quy cách tấm lắp 底板 規格

Kích cỡ 規格	Kích thước tấm lắp 底板 尺寸	Khoảng cách các lỗ lắp 底板 孔距	Kích thước bu lông 安裝 尼帽 尺寸
3"	42x42 (1-21/32" x 1-21/32")	32x32 (1-1/4" x 1-1/4")	M4/M5
	60x60 (2-3/8" x 2-3/8")	42.5x42.5 (1-11/16" x 1-11/16")	M6

» Quy cách trục ren 絲扣 規格

Kích cỡ 規格	Đường kính ren X Độ dài trục ren 絲扣 牙徑 X 長度	Kích cỡ 規格	Đường kính ren X Độ dài trục ren 絲扣 牙徑 X 長度
3"	M10 x 15	3"	M10 x 20
3"	M10 x 25	3"	M12 x 15
3"	M12 x 20	3"	M12 x 25



» Quy cách trực trơn 插桿規格

Kích cỡ 規格	Đường kính x Độ dài trực trơn 插桿直徑 X 長度	Độ cao lỗ lắp 孔位高度	Kích thước lỗ lắp 孔尺寸
3"	Ø11x22L	—	Vòng chữ C (C型環)

 Đường kính Bề rộng bánh xe 輪徑 X 輪寬	Kích cỡ 規格	 Tải trọng 載重	 Vật liệu bánh xe 材質	 Mã sản phẩm 型號			 Ổ lăn bánh xe 軸承	 Tổng chiều cao 總高	 Lệch tâm 偏心距	 Bán kính xoay 迴旋半徑
				Càng xoay 活動	Có Phanh/Khóa 剎車	Khóa đa hướng 定向剎				
Độ rộng mặt bánh 輪片寬度 75x12 (3" x 1/2") Độ rộng bánh xe đẩy 腳輪寬度 75x50.5 (3" x 2")	Tấm lắp 底板	30kgs (66 lbs)	Bánh xe PPR PPR輪	1110-03-02-26-2	1110-03-02-26-4	—	Ổng trực/ Ổng bạc 中管	100mm (3-15/16")	22mm	Xoay 66mm 活動66mm Khóa 79mm 活煞79mm
	Trục ren 絲扣	30kgs (66 lbs)	Bánh xe PPR PPR輪	1110-03-02-26-5	1110-03-02-26-6	—		93.5mm (3-11/16")		
	Trục trơn 插杆	30kgs (66 lbs)	Bánh xe PPR PPR輪	1110-03-02-26-7	1110-03-02-26-8	—				